

Bảng dữ liệu

Dòng máy in HP LaserJet Pro 4001-4004n/dn/dw/d



Năng suất tối đa. Quản lý liền mạch.

Tận hưởng tốc độ in nhanh chóng và các công cụ quản lý dễ dàng với LaserJet Pro.



Máy in này chỉ hoạt động với các hộp mực có chip HP mới hoặc được sử dụng lại, và máy in sử dụng các biện pháp bảo mật động để chặn các hộp mực sử dụng chip không phải của HP. Cập nhật phần mềm điều khiển định kỳ sẽ duy trì hiệu quả của các biện pháp này và chặn các hộp mực đã hoạt động trước đó. Chip HP tái sử dụng cho phép sử dụng hộp mực tái sử dụng, tái sản xuất và nạp lại. Xem thêm tại: <http://www.hp.com/learn/ds>

Năng suất tối đa

- Hỗ trợ nhóm nhân sự làm việc linh động với mẫu máy in tốc độ cao này, lý tưởng cho tối đa 10 người dùng.
- Nâng tầm quy trình làm việc. Tốc độ in HP Pro-class đạt tới 42 trang/phút để đáp ứng môi trường có nhu cầu cao.¹
- Năng suất vượt trội ngay trong tầm tay bạn. In ấn tiết kiệm thời gian với Phím tắt từ HP Smart.²

Quản lý liền mạch.

- Quản lý tập trung tác vụ in. Dễ dàng thực hiện với bộ tính năng của HP Web Jetadmin.⁴
- Thiết lập máy in nhanh chóng. Quy trình tinh giản giúp dễ dàng thiết lập và tiếp tục hoạt động kinh doanh
- Tránh bị gián đoạn với chức năng Wi-Fi® giúp tìm kiếm kết nối ổn định thông minh để luôn duy trì kết nối mạng⁸

Dịch vụ bảo mật HP Wolf Pro Security.

- Sở hữu tính năng bảo mật máy in ngay lần đầu sử dụng. Các cài đặt được thiết lập cấu hình sẵn có nghĩa là thiết bị đã sẵn sàng khi bạn cần.
- Thêm một lớp bảo mật. Tùy chọn mã PIN/lệnh pull sẽ chỉ xác thực lệnh in của bạn khi bạn có mặt.
- Thiết lập chính sách cấu hình và xác thực cài đặt trên toàn cầu với Trình quản lý bảo mật HP Security Manager.⁹



Optimized performance



HP Web Jetadmin



End to end security

Tổng quan sản phẩm

Máy in HP LaserJet Pro 4003dw

- 1. Tốc độ in lên tới 40 trang/phút A4
- 2. In hai mặt tự động
- 3. Cổng USB tốc độ cao, tích hợp mạng Ethernet nhanh
- 4. Thiết đặt bảo mật được cấu hình sẵn
- 5. Được thiết kế cho các nhóm làm việc với số lượng lên đến 10 người dùng



Sơ lược về dòng sản phẩm



Model	Máy in HP LaserJet Pro 4003dn	Máy in HP LaserJet Pro 4003dw	Máy in HP LaserJet Pro 4003n
Mã sản phẩm	ZZ609A	ZZ610A	ZZ611A
Chức năng	In đen trắng		
Tốc độ in	Lên tới 40 trang/phút A4		
Bảo mật	Dịch vụ bảo mật HP Wolf Pro Security	Giải pháp bảo mật HP Wolf Pro	Dịch vụ bảo mật HP Wolf Pro Security
Khả năng kết nối	1 USB 2.0 tốc độ cao; 1 cổng chủ USB ở phía sau; Mạng Gigabit Ethernet 10/100/1000BASE-T; 802.3az(EEE)		1 USB 2.0 tốc độ cao; 1 cổng chủ USB ở phía sau; Mạng Gigabit Ethernet 10/100/1000BASE-T; 802.3az(EEE)

Các mặt hàng, Phụ kiện, Vật tư và Hỗ trợ Có thể cấu hình

Vật tư	W1030XC Hộp mực màu đen HP Black Contract LaserJet (Average cartridge yields 10,000 standard pages. Declared yield value in accordance with ISO/IEC 19752.) W1510A Hộp mực in laser màu đen HP 151A LaserJet ((Năng suất hộp mực trung bình 3050 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISP/IEC 19752.)) W1510X Hộp mực in laser màu đen HP 151X LaserJet ((Năng suất hộp mực trung bình 9700 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISP/IEC 19752.))
Phụ kiện	D9P29A Khay nạp giấy 550 tờ HP LaserJet Pro
Dịch vụ và Hỗ trợ	U42HDE Dịch vụ vào ngày làm việc tiếp theo trong thời hạn 2 năm dành cho LaserJet Pro 400x của HP U42HFE Dịch vụ vào ngày làm việc tiếp theo trong thời hạn 3 năm dành cho LaserJet Pro 400x của HP U42HJE Dịch vụ 4 giờ 9x5 trong thời hạn 2 năm dành cho LaserJet Pro 400x của HP U42HKE Dịch vụ 4 giờ 9x5 trong thời hạn 3 năm dành cho LaserJet Pro 400x của HP U42HQE Dịch vụ Trả về kho trong thời hạn 3 năm dành cho LaserJet Pro 400x của HP U42HRPE Dịch vụ sau bảo hành vào ngày làm việc tiếp theo trong thời hạn 1 năm dành cho LaserJet Pro 400x của HP U42HSPE Dịch vụ 4 giờ 9x5 sau bảo hành trong thời hạn 1 năm dành cho LaserJet Pro 400x của HP U42HVPE Dịch vụ Trả về kho sau bảo hành trong thời hạn 1 năm dành cho LaserJet Pro 400x của HP U9JT1E Dịch vụ cài đặt với máy in & máy quét cá nhân nối mạng của HP

Thông số kỹ thuật

Model	Máy in HP LaserJet Pro 4003dn		Máy in HP LaserJet Pro 4003dw	Máy in HP LaserJet Pro 4003n
Mã sản phẩm	Z2609A		Z2610A	Z2611A
Các chức năng	In			
Bảng điều khiển	LCD 2 dòng; Nút OK; Nút bên trái; Nút bên phải; Nút hủy; Nút quay lại; Đèn LED sẵn sàng; Đèn LED lỗi; Đèn LED Wi-Fi (chỉ dành cho gói không dây)			
In				
Công nghệ in	Laser			
Tốc độ in ⁷	Đen trắng (A4, thường) Lên đến 40 trang/phút ; Đen trắng (A4, hai mặt): Lên tới 34 hình ảnh/phút		Đen trắng (A4, thường) Lên đến 40 trang/phút	
Trang ra đầu tiên ⁹	Đen trắng (A4, sẵn sàng): Nhanh 6,3 giây ; Đen trắng (A4, chế độ ngủ): Nhanh 8,8 giây			
Độ phân giải in	Đen trắng (tốt nhất): Fine Lines (1200 x 1200 dpi) ; Công nghệ: HP FastRes1200, HP ProRes1200, Economode			
Chu kỳ hoạt động hàng tháng	Tối đa 80.000 trang A4; Số lượng trang được đề xuất hàng tháng: 750 đến 4.000			
Tính năng phần mềm thông minh của máy in ³	Tự động in hai mặt và in sách khổ nhỏ, in nhiều mảng lên trên một trang giấy, chia bộ trang in, in watermark, chỉ cài đặt trình điều khiển máy in, chế độ Economode giúp tiết kiệm mực, chấp nhận nhiều kích thước và loại giấy khác nhau	In hai mặt thủ công cho gói n/ne và tự động in hai mặt cho tất cả sách khổ nhỏ và các gói khác, in nhiều mảng lên trên một trang giấy, chia bộ trang in, in watermark, chỉ cài đặt trình điều khiển máy in, chế độ Economode giúp tiết kiệm mực, chấp nhận nhiều kích thước và loại giấy khác nhau	In hai mặt và in sách khổ nhỏ thủ công, in nhiều mảng lên trên một trang giấy, chia bộ trang in, in watermark, chỉ cài đặt trình điều khiển máy in, chế độ Economode giúp tiết kiệm mực, chấp nhận nhiều kích thước và loại giấy khác nhau	
Ngôn ngữ in ấn tiêu chuẩn	HP PCL 6, HP PCL 5e, mô phỏng mức 3 postscript HP, PDF, URF, PWG Raster			
Phông và kiểu chữ	84 phông chữ TrueType có thể thay đổi kích thước			
Vùng in	Lề in Hàng đầu: 5 mm, Dưới cùng: 5 mm, Trái: 4 mm, Phải: 4 mm; Vùng in tối đa: 207,4 x 347,1mm			
Tốc độ bộ xử lý	1200 MHz			
Khả năng kết nối				
Tiêu chuẩn	1 USB 2.0 tốc độ cao; 1 cổng chủ USB ở phía sau; Mạng Gigabit Ethernet 10/100/1000BASE-T; 802.3az(EEE)		1 USB 2.0 tốc độ cao; 1 cổng USB chính ở phía sau;mạng Gigabit Ethernet 10/100/1000BASE-T;802.3az(EEE)	
Khả năng in trên thiết bị di động	Ứng dụng HP Smart; Apple AirPrint™; Có chứng nhận của Mopria™		Ứng dụng HP Smart; Apple AirPrint™; Có chứng nhận của Mopria™	
Hỗ trợ giao thức mạng	TCP/IP, IPv4, IPv6; In: Chế độ trực tiếp 9100 cổng TCP-IP, LPD (chỉ hỗ trợ hàng đợi in từ giao thức Raw), Apple AirPrint™, Mopria, JPP Print; Discovery: SLP, Bonjour, Web Services Discovery; Cấu hình IP: IPv4 (BootP, DHCP, AutoIP, Manual), IPv6 (Stateless Link-Local và qua Bộ định tuyến, Statefull qua DHCPv6), Quản lý chứng chỉ và bảo mật SSL; Quản lý: SNMPv1, SNMPv2, SNMPv3, HTTP/HTTPS, Syslog, Tải xuống FTP FW			
Khả năng nối mạng	Có, thông qua Ethernet 10/100/1000Base-TX tích hợp, Gigabit; Ethernet kết nối chéo tự động; Xác thực qua 802.1X (không áp dụng cho gói D)			
Ổ cứng	Không có			
Bộ nhớ	Tiêu chuẩn: 256 MB; Tối đa: 256 MB			
Xử lý giấy ảnh media				
Số khay giấy	Tiêu chuẩn: 2 ; Tối đa: 3			
Loại giấy in	Giấy (loại thường, EcoFFICIENT, nhẹ, nặng, dính, giấy màu, tiêu đề thư, in trước, đục lỗ sẵn, tái chế, ráp); phong bì; nhãn			
Khổ giấy in	Tùy chỉnh (theo hệ mét): Khay 1: 76 x 127 đến 216 x 356 mm; Khay 2, Khay 3 tùy chọn: 104,9 x 148,5 đến 2165,9 x 356,6 mm			
Xử lý giấy ảnh media	Đầu vào tiêu chuẩn: Khay 1 đa năng 100 tờ, Khay 2 nạp giấy 250 tờ Đầu ra tiêu chuẩn: Khay giấy ra 150 tờ Đầu vào tùy chọn: Khay 3 tùy chọn 550 tờ			
Trọng lượng giấy ảnh media	Khay 1: 60 đến 200 g/m²; Khay 2, Khay 3 tùy chọn 550 tờ: 60 đến 120 g/m²;			
Công suất đầu vào	Khay 1: Số tờ: 100; phong bì: 10 Khay 2: Số tờ: 250 Khay 3: Số tờ: 550 Tối đa: Tối đa 900 tờ			
Công suất đầu ra	Tiêu chuẩn: Tối đa 150 tờ Phong bì: Tối đa 10 phong bì Tối đa: Tối đa 150 tờ			

Thông số kỹ thuật

Model	Máy in HP LaserJet Pro 4003dn		Máy in HP LaserJet Pro 4003dw	Máy in HP LaserJet Pro 4003n
Mã sản phẩm	Z2609A		Z2610A	Z2611A
Hệ điều hành tương thích	Windows 11; Windows 10; Android; iOS; Hệ điều hành di động; macOS 10.15 Catalina; macOS 11 Big Sur; macOS 12 Monterey; macOS 13 Ventura; Chrome OS			
Các hệ điều hành mạng tương thích	Windows Server; Linux; Citrix; UNIX; Novell			
Yêu cầu hệ thống tối thiểu	Windows: Có sẵn 2 GB dung lượng đĩa cứng; Kết nối Internet hoặc kết nối với trình duyệt Internet qua cổng USB. Để biết thêm các yêu cầu khác đối với phần cứng của hệ điều hành, vui lòng truy cập microsoft.com;; Mac: Có sẵn 2 GB dung lượng ổ cứng; Kết nối Internet hoặc kết nối với trình duyệt Internet qua cổng USB. Để biết thêm các yêu cầu khác đối với phần cứng hệ điều hành, vui lòng truy cập apple.com			
Phần mềm đi kèm	Giải pháp phần mềm không được gửi kèm trong hộp và chỉ có sẵn tại http://hp.com; http://123.hp.com			
Quản lý bảo mật	Bảo mật quản lý: SNMP v1 v2 v3, SSL/TLS (HTTPS), xác thực qua giao thức 802.1x; bảo mật mạng không dây: WPA (Truy cập được bảo vệ bằng Wi-Fi) WPA2 WPA3, mã hóa WEP (64 và 128 bit), xác thực bằng giao thức 802.1x (EAP-PEAP, LEAP, EAP-TLS) với máy chủ RADIUS			
Quản lý máy in	HP Printer Assistant; Phần mềm HP Web JetAdmin; Trình quản lý bảo mật HP JetAdvantage; HP SNMP Proxy Agent (Một phần của HP Web JetAdmin); HP WS Pro Proxy Agent (Một phần của HP Web JetAdmin); Bộ quản trị tài nguyên máy in cho Trình Điều khiển In Chung HP (Tiện ích cấu hình trình điều khiển - Trình điều khiển; Tiện ích Triển khai - Quản trị viên in ấn được quản lý)			
Kích thước và trọng lượng				
Kích thước máy in (R x S x C)	Tối thiểu 381 x 357 x 216 mm; Tối đa: 381 x 634 x 241 mm			
Trọng lượng máy in	8,56 kg			8,22 kg
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ: 10 đến 32,5°C; Độ ẩm: 30 đến 70% RH			
Điều kiện lưu trữ	Nhiệt độ: -20 đến 40°C			
Âm thanh	Phát xạ công suất âm thanh: 6,6 B(A); Phát xạ áp suất âm thanh: 54 dB(A)			
Nguồn điện	Yêu cầu: Điện áp đầu vào 110 vôn: 110 đến 127 VAC (+/- 10%), 50/60 Hz (+/- 2 Hz); Điện áp đầu vào 220 vôn: 220 đến 240 VAC (+/- 10%), 50/60 Hz (+/- 2 Hz) (Không có điện áp kép, sản phẩm khác nhau theo từng số hiệu bộ phận với Số nhận dạng mã tùy chọn) ; Tiêu thụ: 495 watt (khi in), 5,5 watt (chế độ sẵn sàng), 0,5 watt (chế độ ngủ), 0,5 watt (Tắt tự động/Bật khi cắm LAN, được kích hoạt khi giao hàng), 0,05 watt (Tắt tự động/Bật thủ công), 0,05 (Tắt thủ công) ; Loại nguồn điện: Nguồn điện bên trong (tích hợp sẵn)	Yêu cầu: Điện áp đầu vào 110 vôn: 110 đến 127 VAC (+/- 10%), 50/60 Hz (+/- 2 Hz); Điện áp đầu vào 220 vôn: 220 đến 240 VAC (+/- 10%), 50/60 Hz (+/- 2 Hz) (Không có điện áp kép, sản phẩm khác nhau theo từng số hiệu bộ phận với Số nhận dạng mã tùy chọn) ; Tiêu thụ: 495 watt (khi in), 5,5 watt (chế độ sẵn sàng), 0,5 watt (chế độ ngủ), 0,5 watt (Tắt tự động/Bật khi cắm LAN, được kích hoạt khi giao hàng), 0,05 watt (Tắt tự động/Bật thủ công), 0,05 (Tắt thủ công) ; Mức tiêu thụ Điện Điển hình (TEC)⁴: 0,36 kWh/tuần (Blue Angel) ; Loại nguồn điện: Nguồn điện bên trong (tích hợp sẵn)	Yêu cầu: Điện áp đầu vào 110 vôn: 110 đến 127 VAC (+/- 10%), 50/60 Hz (+/- 2 Hz); Điện áp đầu vào 220 vôn: 220 đến 240 VAC (+/- 10%), 50/60 Hz (+/- 2 Hz) (Không có điện áp kép, sản phẩm khác nhau theo từng số hiệu bộ phận với Số nhận dạng mã tùy chọn) ; Tiêu thụ: 495 watt (khi in), 5,5 watt (chế độ sẵn sàng), 0,5 watt (chế độ ngủ), 0,5 watt (Tắt tự động/Bật khi cắm LAN, được kích hoạt khi giao hàng), 0,05 watt (Tắt tự động/Bật thủ công), 0,05 (Tắt thủ công) ; Loại nguồn điện: Nguồn điện bên trong (tích hợp sẵn)	
Công nghệ tiết kiệm năng lượng	Công nghệ bật tắt tự động HP Auto-On/Auto-Off; Công nghệ Instant-On; Mực in laser màu đen EcoSmart; Tiết kiệm điện năng			
Chứng nhận ¹	Tiêu chuẩn phát xạ điện từ: CISPR 32:2012 Loại B / EN 55032:2012 Loại B; CISPR 35:2016 / EN 55035:2017 Loại B; EN IEC 61000-3-2:2019; EN 61000-3-3:2013+A1:2019 EN 61000-4-12:2016; FCC CFR 47 Phần 15 Loại B; ICES-003, Mục 7 Loại B Tuyên bố IT ECO	Tiêu chuẩn phát xạ điện từ: CISPR 32:2012 Loại B / EN 55032:2012 Loại B; CISPR 35:2016 / EN 55035:2017 Loại B; EN IEC 61000-3-2:2019; EN 61000-3-3:2013+A1:2019 EN 61000-4-12:2016; FCC CFR 47 Phần 15 Loại B; ICES-003, Mục 7 Loại B	Tiêu chuẩn phát xạ điện từ: CISPR 32:2012 Loại B / EN 55032:2012 Loại B; CISPR 35:2016 / EN 55035:2017 Loại B; EN IEC 61000-3-2:2019; EN 61000-3-3:2013+A1:2019 EN 61000-4-12:2016; FCC CFR 47 Phần 15 Loại B; ICES-003, Mục 7 Loại B Có sẵn cấu hình đã đăng ký EPEAT®; Tuyên bố IT ECO	
Thông số kỹ thuật tác động bền vững	Có thể tái chế thông qua HP Planet Partners; Chứa nhựa tái chế sau tiêu dùng			Có thể tái chế thông qua HP Planet Partners; Chứa nhựa tái chế sau tiêu dùng
Tuân thủ Blue Angel ⁵	Không, vui lòng tham khảo tài liệu ECI (Thông tin so sánh nhãn hiệu)			Không, vui lòng tham khảo tài liệu ECI (Thông tin so sánh nhãn hiệu)
Xuất xứ	Sản xuất tại Philippines; Sản xuất tại Việt Nam			
Trong hộp có gì ²	Z2609A Hộp mực HP LaserJet chính hãng màu đen (~3.050 trang); Hướng dẫn bắt đầu; Tờ rơi hỗ trợ; Hướng dẫn bảo hành; Tờ rơi về quy định; Dây nguồn; Cáp USB (chỉ dùng cho Điểm truy cập & Không dây)	Z2610A Đã lắp Hộp mực HP LaserJet chính hãng Black (màu đen) (2.900 trang); Hướng dẫn bắt đầu; Tờ thông tin hỗ trợ; Hướng dẫn bảo hành; Tờ thông tin về quy định; Dây nguồn; Cáp USB (chỉ dùng cho Điểm truy cập & Không dây)	Z2611A Đã lắp Hộp mực HP LaserJet chính hãng Black (màu đen) (2.900 trang); Hướng dẫn bắt đầu; Tờ thông tin hỗ trợ; Hướng dẫn bảo hành; Tờ thông tin về quy định; Dây nguồn; Cáp USB (chỉ dùng cho Điểm truy cập & Không dây)	
Bảo hành	Bảo hành sửa chữa tại chỗ/kho trong một năm. Các tùy chọn bảo hành và hỗ trợ khác nhau tùy theo sản phẩm, yêu cầu pháp lý của quốc gia và địa phương. Hãy liên hệ Người bán trong hợp đồng hoặc truy cập hp.com/support để tìm hiểu về các tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ giành được giải thưởng của HP tại khu vực của bạn. (mã bảo hành 4E; ID bảo hành A033)			

Ghi chú

¹Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, tham khảo hp.com/go/printerclaims. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

²Yêu cầu ứng dụng HP, có thể tải về tại www.hp.com/go/mobileprinting. Một số tính năng chỉ có bằng ngôn ngữ tiếng Anh và có thể khác nhau tùy theo quốc gia/mẫu máy in, cũng như giữa ứng dụng trên máy tính và trên thiết bị di động. HP có quyền tính phí sử dụng chức năng được hỗ trợ qua ứng dụng HP. Yêu cầu truy cập Internet và có thể không được hỗ trợ ở một số quốc gia. Cần có tài khoản HP để sử dụng đầy đủ chức năng. Chức năng fax hiện chỉ hỗ trợ gửi fax. Danh sách hệ điều hành được hỗ trợ có trên của hàng ứng dụng. Xem thông tin chi tiết tại www.hpsmart.com.

⁴Có thể tải xuống HP Web Jetadmin miễn phí tại hp.com/go/webjetadmin.

⁵Tính toán của HP dựa trên dữ liệu TEC chuẩn hóa ENERGY STAR® giúp so sánh các máy in dòng HP LaserJet 200-500 khi ra mắt. Tham khảo tại hp.com/ecosmart

⁶Khả năng của Công nghệ Tự động Bật/Tắt của HP thay đổi tùy theo máy in và cài đặt; có thể yêu cầu nâng cấp firmware.

⁸Cần có gói truy cập Internet được bán riêng. Hoạt động không dây chỉ tương thích với băng tần 2,4 GHz và 5,0 GHz. Hỗ trợ cả 5,0 GHz và 2,4 GHz dùng tới 12 kênh không chồng chéo so với chỉ 3 kênh không chồng chéo của 2,4 GHz. Hỗ trợ băng tần 5,0 GHz (tối đa 150 mbps) so với băng tần 2,4 GHz (tối đa 72,2 mbps). Vui lòng tìm hiểu thêm tại: www.hp.com/go/mobileprinting

⁹Trình quản lý bảo mật HP JetAdvantage phải được mua riêng. Để tìm hiểu thêm, vui lòng truy cập hp.com/go/securitymanager.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm về thông số kỹ thuật

¹Đã đăng ký EPEAT® nếu áp dụng. Việc đăng ký EPEAT có thể khác nhau theo từng quốc gia. Xem <http://www.epeat.net> để biết trạng thái đăng ký theo quốc gia.

²Để biết thông tin về năng suất trên hộp mực đi kèm máy in của bạn, hãy truy cập <http://www.hp.com/go/toneryield>. Giá trị năng suất được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752 và ở chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy theo hình ảnh được in và các yếu tố khác.

³Tính năng Lưu trữ lệnh in cần phải mua ổ USB flash riêng biệt với dung lượng tối thiểu là 16 GB

⁴Mức Tiêu thụ Điện năng Điển hình (TEC) thể hiện lượng điện năng điển hình mà một sản phẩm tiêu thụ trong 1 tuần, được đo bằng kilowatt-giờ (kWh).

⁵Yêu cầu về nguồn điện dựa trên quốc gia/khu vực bán máy in. Không chuyển đổi điện áp hoạt động. Hành động này sẽ làm hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của sản phẩm. Giá trị Energy Star thường dựa trên kết quả đo lường của thiết bị 115 V, giá trị Blue Angel dựa trên kết quả đo lường của thiết bị 230 V. Xin lưu ý rằng các sản phẩm thuộc dòng HP LaserJet Pro 4001 và Máy in đa chức năng 4101 được chứng nhận ENERGY STAR 3.0 tại Hoa Kỳ và các sản phẩm dòng HP LaserJet Pro 4003 và Máy in đa chức năng 4103 tương đương về mặt chức năng đáp ứng các tiêu chuẩn nhãn sinh thái về hiệu suất năng lượng.

⁶Hiệu suất công bố dựa trên ISO/IEC 19752 và chế độ in liên tục. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể tùy theo hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết chi tiết, truy cập <http://www.hp.com/go/toneryield>

⁷Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, hãy xem <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁸Được đo bằng Kiểm thử hiệu suất tính năng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm tra đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁹Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17629. Để biết thêm thông tin, hãy xem <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

